

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN AN STAR
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN AN STAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN STAR INVESTMENT AND CONSULTING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AN STAR INVESTMENT AND CONSULTING CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109272844

3. Ngày thành lập: 20/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phòng 3111 tòa C2, Tòa nhà văn phòng Dcapitale, số 119 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
2.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
3.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
4.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
6.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
7.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
8.	Quảng cáo	7310
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Buôn bán sắt, thép	4662
10.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
11.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
12.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
13.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
14.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
15.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
16.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
17.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
18.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
19.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
20.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

21.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
22.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
23.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
24.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
25.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
26.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
27.	Bán buôn tổng hợp	4690
28.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới.	4610
29.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014)	6810
30.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất.	6820
31.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
32.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
33.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm đấu giá)	4799
34.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm đấu giá)	4513
35.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Loại trừ những loại nhà nước cấm và hạn chế kinh doanh)	2011
36.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (Loại trừ những loại nhà nước cấm và hạn chế kinh doanh)	2021
37.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ những loại nhà nước cấm và hạn chế kinh doanh)	2029
38.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
39.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
40.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
42.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005 quy định Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá)	8299
44.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)

45.	Xây dựng nhà không để ở	4102
46.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
47.	Xây dựng công trình điện	4221
48.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
49.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
50.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
51.	Xây dựng công trình thủy	4291
52.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
53.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
54.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
55.	Phá dỡ	4311
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
57.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
58.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
59.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
60.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
61.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
62.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
63.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
64.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
65.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
66.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
67.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
68.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
69.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
70.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
71.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
72.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
75.	Bốc xếp hàng hóa	5224
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	5229
78.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921

79.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
80.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
81.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
82.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
83.	Cơ sở lưu trú khác	5590
84.	Cho thuê xe có động cơ	7710
85.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
86.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ ĐÌNH BẢNG** Giới tính: **Nam**
 Chức danh: **Tổng giám đốc**
 Sinh ngày: **20/07/1983** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Hộ chiếu Việt Nam**
 Số giấy chứng thực cá nhân: **B4736682**
 Ngày cấp: **08/12/2010** Nơi cấp: **Cục quản lý xuất nhập cảnh**
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn Áng Ngoại, Xã Trung Lập, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
 Chỗ ở hiện tại: **Thôn Áng Ngoại, Xã Trung Lập, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội